

SP3T-6T 50GHz

负载型

Normally open/Latching



◆ 射频特性

频率范围 (GHz)	插入损耗 (dB)	隔离 (dB)	驻波	承载连续功率 (W)
DC-6	0.3	70	1.3	40
6-12	0.4	70	1.4	30
12-18	0.5	60	1.5	25
18-26.5	0.7	55	1.7	12
26.5-32	0.8	50	1.8	8
32-40	0.9	50	1.9	5
40-43	1.0	50	2.0	4
43-50	1.1	50	2.1	3

◆ 工作电压/电流

工作电压 (V)		12	24	28
电流 (mA)	Normally open	300	200	180
	Latching	320	200	180
	Latching(RESET)	1920	1200	1080

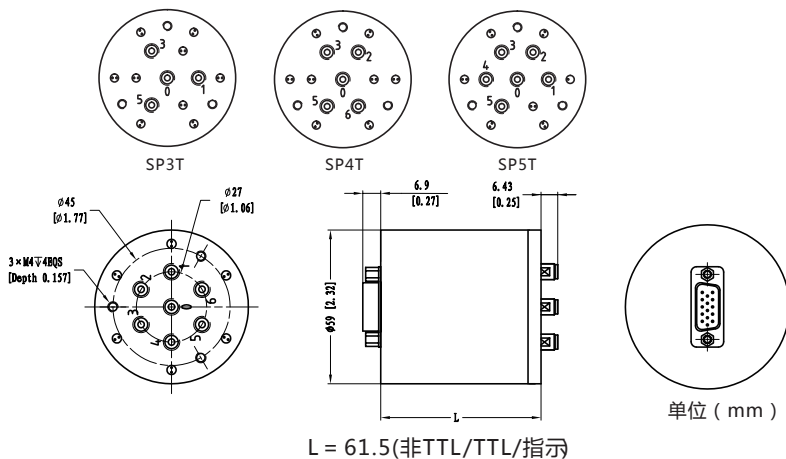
*可根据用户要求选择电压

TTL	低电平(V)	高电平	
	0-0.3	3~5V	1.4mA

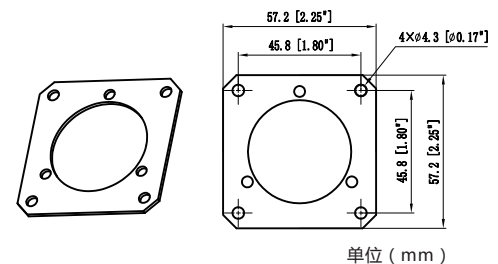
指示端	耐压V(max)	电流容量mA (max)	阻值Ω (max)
	50	100	15

*该功能运行前先连接控制端 VDC &GND

◆ 产品尺寸



◆ 背板



◆ 技术指标

开关顺序: 先断后合

开关速率: ≤ 15ms

储存温度: -55℃~85℃

工作温度: -25℃~65℃ (标准)

-45℃~85℃ (温度扩展1)

-55℃~85℃ (温度扩展2)

开关寿命: 200万次

射频连接器: 1.85 Female

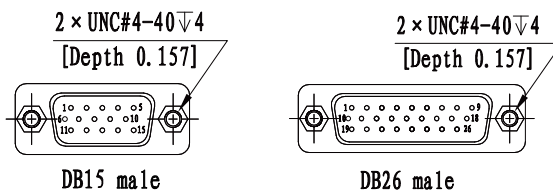
特性阻抗: 50Ω

冲击 (非工作状态): 50G、1/2 Sine、11 ms

振动 (工作状态): 20-2000 Hz、10G RMS

控制接口: D-SUB 15/26Pin Male

重量: 260g



◆ 真值表

* 针对Latching模式，无指示功能，控制接口DB15 Male。

Latching 非TTL					
控制接口		射频接口			
D-SUB 15/26Pin Male					
Pin No.	定义	SP3T	SP4T	SP5T	SP6T
1	V1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
2	V2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
3	V3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
4	V4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
5	V5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
6	V6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
7	V (RESET)	-	-	-	-
8	GND	-	-	-	-
9	指示1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
10	指示2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
11	指示3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
12	指示4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
13	指示5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
14	指示6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
15	指示公共端	-	-	-	-
16	VDC	-	-	-	-
17~26	N/A				

注：开关应于激励前，对pin7脚加电进行RESET！

Latching TTL					
控制接口		射频接口			
D-SUB 15/26Pin Male					
Pin No.	定义	SP3T	SP4T	SP5T	SP6T
1	TTL	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
2	TTL	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
3	TTL	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
4	TTL	-	-	RF 4-0	RF 4-0
5	TTL	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
6	TTL	-	RF 6-0	-	RF 6-0
7	TTL (RESET)	-	-	-	-
8	VDC	-	-	-	-
9	GND	-	-	-	-
10	指示1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
11	指示2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
12	指示3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
13	指示4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
14	指示5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
15	指示6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
16	指示公共端	-	-	-	-
17~26	N/A				

注：开关应于激励前，对pin7脚加电进行RESET！

Normally open 非TTL					
控制接口		射频接口			
D-SUB 15Pin Male					
Pin No.	定义	SP3T	SP4T	SP5T	SP6T
1	V1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
2	V2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
3	V3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
4	V4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
5	V5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
6	V6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
7	GND	-	-	-	-
8	指示1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
9	指示2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
10	指示3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
11	指示4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
12	指示5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
13	指示6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
14	指示公共端	-	-	-	-
15	VDC	-	-	-	-

Normally open TTL					
控制接口		射频接口			
D-SUB 15Pin Male					
Pin No.	定义	SP3T	SP4T	SP5T	SP6T
1	TTL	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
2	TTL	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
3	TTL	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
4	TTL	-	-	RF 4-0	RF 4-0
5	TTL	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
6	TTL	-	RF 6-0	-	RF 6-0
7	VDC	-	-	-	-
8	GND	-	-	-	-
9	指示1	RF 1-0	-	RF 1-0	RF 1-0
10	指示2	-	RF 2-0	RF 2-0	RF 2-0
11	指示3	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0	RF 3-0
12	指示4	-	-	RF 4-0	RF 4-0
13	指示5	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0	RF 5-0
14	指示6	-	RF 6-0	-	RF 6-0
15	指示公共端	-	-	-	-

◆ 产品选型

系列	开关掷数	连接器形式	驱动模式	频率	电压	是否负载	控制方式	工作温度	安装方式	控制接口
E		5		50						
标准版	3:SP3T 4:SP4T 5:SP5T 6:SP6T	1.85mm	N:Normally open L:Latching	DC~50GHz	05:5V 12:12V 24:24V 28:28V	W:非负载型 T:负载型	0:非TTL,共地 1:TTL 2:非TTL,共阳 3:self cutoff 4:非TTL,共地,指示 5:TTL,指示 6:非TTL,共阳,指示	0:标准温度 1:温度扩展1 2:温度扩展2	S:常规式 B:背板式	2:DB15(3排) 5:DB26(3排)

★ 例：E35N5005W00S2：标准版、SP3T、1.85mm、Normally open、DC~50GHz、5V、非负载型、非TTL，共地、标准温度、常规式、DB15(3排)。